

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **189/2018/DS-PT**
Ngày: 29-10-2018
V/v tranh chấp: “Hợp đồng
hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Minh Hải

Các Thẩm phán : Bà Quách Tô Giang

: Bà Thái Thị Huyền Trân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh A xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 147/2018/TLPT-DS ngày 01/10/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2018/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2018, của Tòa án nhân dân thành phố L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 253/2018/QĐPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Văng Văn X, sinh năm 1951, địa chỉ cư trú: phường Đ , thành phố L , tỉnh A .

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lại Văn G , sinh năm 1968, địa chỉ cư trú: phường M , thành phố L , tỉnh A . (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/01/2018).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ , sinh năm 1964, địa chỉ cư trú: phường B , thành phố L , tỉnh A .

(Ông G , ông Đ có mặt tại phiên tòa)

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Đ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm

Nguyên đơn ông Văng Văn X trình bày: Ông và ông Đ quan hệ họ hàng với nhau, ông Đ gọi ông là dượng tư X, ông gọi ông Đ là cậu vợ nên ông Đ có vay tiền nhiều lần của ông, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 22/4/2012 (âm lịch) cho vay 16.000.000 đồng.
- Lần 2: Ngày 18/6/2013 (âm lịch) cho vay 44.000.000 đồng.
- Lần 3: Ngày 21/7/2013 (âm lịch) cho vay 10.000.000 đồng.
- Lần 4: Ngày 28/12/2013 (âm lịch) cho vay 30.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn Đ có giao cho ông X giữ 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01897/QSDĐ/eH ngày 07/01/1993 mang tên Nguyễn Văn H (cha ruột ông Đ). Ông Đ vay tiền của ông X tổng cộng là 100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận mức lãi suất cho vay là 2,5%/tháng, không thời hạn vay khi nào trả thì thông báo trước khoảng 15 ngày hoặc 01 tháng thì hoàn trả lại đủ. Khi vay, ông Đ có ký tên 04 biên nhận nợ đề ngày 22/4/2012 (âm lịch); ngày 18/6/2013 (âm lịch); ngày 21/7/2013 (âm lịch); ngày 28/12/2013 (âm lịch) và giao cho ông X giữ.

Từ khi vay, ông Đ có đóng lãi như sau:

- Ngày 22/4/2012 (âm lịch) vay 16.000.000 đồng. Từ ngày 22/4/2012 (âm lịch) cho đến tháng 7/2015 (âm lịch) ông X nhận lãi của ông Đ khoảng 37 tháng, mỗi tháng là 400.000 đồng/tháng (lãi suất 2.5% của 16.000.000 đồng) là 15.600.000 đồng thì ngưng.

- Ngày 18/6/2013 (âm lịch) vay 44.000.000 đồng. Từ ngày 18/6/2013 (âm lịch) cho đến tháng 7/2015 (âm lịch) ông X nhận lãi của ông Đ khoảng 37 tháng, mỗi tháng là 1.100.000 đồng/tháng (lãi suất 2.5% của 44.000.000 đồng) là 40.700.000 đồng thì ngưng.

- Ngày 21/7/2013 (âm lịch) vay 10.000.000 đồng. Từ ngày 21/7/2013 (âm lịch) cho đến tháng 7/2015 ông X nhận lãi của ông Đ khoảng 24 tháng mỗi tháng là 250.000 đồng/tháng (lãi suất 2.5% của 10.000.000 đồng) là 6.000.000 đồng thì ngưng.

- Ngày 28/12/2013 vay 30.000.000 đồng. Từ ngày 28/12/2013 (âm lịch) cho đến tháng 7/2015 (âm lịch) ông X nhận lãi của ông Đ khoảng 19 tháng mỗi tháng là 750.000 đồng/tháng (lãi suất 2.5% của 30.000.000 đồng) là 14.250.000 đồng thì ngưng.

Tổng cộng tiền lãi ông X nhận của ông Đ là 76.550.000 đồng.

Đến nay, ông Đ chưa trả vốn cho ông X . Do đó, ông Văng Văn X khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ trả số tiền vốn là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của ông X về mối quan hệ và thừa nhận có vay tiền ông X , có ký tên vào 04 biên nhận nợ vay đề ngày 22/4/2012 (âm lịch); ngày 18/6/2013 (âm lịch); ngày 21/7/2013 (âm lịch); ngày 28/12/2013 (âm lịch) và thời gian đóng lãi.

Riêng số tiền 30.000.000 đồng ngày 28/12/2013 (âm lịch) ông đã trả xong cho ông X vì ông tin tưởng chỗ bà con với nhau nên ông không có nhận lại biên nhận. Ông Đ xác nhận ông còn nợ tiền vốn của ông X 70.000.000 đồng (trong 03 biên nhận ngày 22/4/2012 (âm lịch); ngày 18/6/2013 (âm lịch); ngày 21/7/2013 (âm lịch).

Nay ông Đ đồng ý trả tiền vốn 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) cho ông Văng Văn X nhưng yêu cầu được thỏa thuận thời gian, phương thức và trả số tiền này sau khi giải quyết xong vụ án tranh chấp Quyền sử dụng đất tại Tòa án nhân dân tỉnh A đang thụ lý giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Văng Văn X là ông Lại Văn G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ trả số tiền vốn là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), yêu cầu tính lãi từ ngày 15/01/2018 cho đến ngày xét xử.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ không đồng ý trả cho ông X số tiền vốn là 100.000.000 đồng. Ông đồng ý trả cho ông X số tiền là 70.000.000 đồng. Yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều chỉnh lãi suất theo quy định pháp luật và yêu cầu chuyển vụ án tranh chấp Hợp đồng vay tài sản này vào vụ án tranh chấp Quyền sử dụng đất tại Tòa án nhân dân tỉnh A đang thụ lý giải quyết thành một vụ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 38/2018/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2018, của Tòa án nhân dân thành phố L đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Văng Văn X .

Buộc ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ trả cho ông Văng Văn X số tiền vốn là 96.837.500 đồng (Chín mươi sáu triệu, tám trăm ba mươi bảy ngàn, năm trăm đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, kháng nghị và thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, ông Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố L với nội dung:

- Yêu cầu hủy bản án sơ thẩm;
- Yêu cầu nhập vụ án vừa xét xử vào vụ án đang được giải quyết tại Tòa án tỉnh A thụ lý số 143/2018/TLST-DS ngày 17/4/2018 để hai bên có điều kiện được đối trừ các quyền và nghĩa vụ cho nhau trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Văng Văn X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn ông Nguyễn Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Giữa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu: Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án: Ông Đ yêu cầu hủy án sơ thẩm và yêu cầu nhập vào vụ án đang được tòa án tỉnh A thụ lý giải quyết. Đây là 02 vụ án có quan hệ pháp luật khác nhau và thẩm quyền giải quyết cũng khác nhau, nên yêu cầu kháng cáo của ông Đ là không phù hợp với quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 38/2018/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2018, của Tòa án nhân dân thành phố L , tỉnh A .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Đ là bị đơn trong vụ án kháng cáo có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận về mặt hình thức.

[2] Về nội dung vụ án, thấy: Ông Đ thừa nhận ông có vay tiền của ông X 100.000.000 đồng theo các lần và các ngày như các đương sự trình bày, nhưng sau đó ông Đ đã trả cho ông X số tiền vốn vay 30.000.000 đồng, do tin tưởng nên ông Đ không lấy lại giấy vay tiền của phần 30.000.000 đồng này, ngoài lời trình bày thì ông Đ không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh cho việc mình đã trả số tiền 30.000.00 đồng cho ông X và nội dung này cũng không được ông X thừa nhận. Ông X có nhu cầu và yêu cầu ông Đ trả số tiền vốn đã vay nhưng ông Đ không trả nên ông X mới khởi kiện. Bị đơn ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với bên cho vay là ông X nên theo quy định tại khoản 1 Điều 278 và Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: **“1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện**

đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận; 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Vì vậy ông Đ phải có trách nhiệm trả lại vốn gốc và lãi vay cho phía nguyên đơn. Về lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng vay 2,5% là cao hơn so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật và có tranh chấp lãi suất. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, căn cứ vào khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2010, lãi suất do các bên thỏa thuận không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản (9%/năm) do Ngân hàng Nhà nước công bố, tức là lãi suất không được vượt quá mức 1.125%/tháng. Cấp sơ thẩm đã điều chỉnh lại mức lãi suất và tính lại số tiền lãi, cụ thể:

Tổng số tiền lãi ông Đ phải trả cho ông X đến ngày 15/01/2018 là: 60.187.500 đồng.

Tiền lãi ông Đ đã đóng 63.350.000 đồng - 60.187.500 đồng = 3.162.500 đồng. Số tiền dư được trừ vào nợ vốn, nên nợ vốn hiện nay còn lại là: 100.000.000 đồng - 3.162.500 đồng = 96.837.500 đồng.

Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông Đ trả cho ông X số tiền vốn 96.837.500 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Ông Đ kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm nhưng không phải hủy về nội dung án sơ thẩm đã xử về vốn vay và lãi suất, mà yêu cầu hủy với lý do phải nhập vụ án để các ông có thể thương lượng với nhau. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, vụ án này có quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và vụ án yêu cầu được nhập vào Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã thụ lý số 143/2018/TLST-DS ngày 17/4/2018 về việc tranh chấp “Đòi tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Mỗi vụ án mang nội dung khác nhau, một vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản; một vụ án tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng đất. Nếu các đương sự muốn thỏa thuận hay thương lượng với nhau đó là ý chí của các bên, không phải nhập vụ án mới có thể thương lượng, thỏa thuận được. Ông Đ kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh, không cung cấp được mối quan hệ liên quan nhau cho 02 vụ án yêu cầu phải nhập là cần thiết. Vì vậy, kháng cáo của ông Đ Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để xem xét. Giữ y bản án sơ thẩm số 38/2018/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2018, của Tòa án nhân dân thành phố L như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo của ông không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ ;
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 38/2018/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2018, của Tòa án nhân dân thành phố L , tỉnh A . Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009834 ngày 23/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L , tỉnh A .

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1)
- VKSND tỉnh A (1)
- TAND TP L (1)
- THA TP L (1)
- Văn phòng Tòa án tỉnh A (1)
- Phòng KTNV & THA tỉnh A (1)
- Đương sự “Đề thi hành”
- Tòa Dân sự (2)
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Hải